

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
THƯƠNG MẠI QUANG HUY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Ngọc Yến
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Bùi Thị Ngọc Yến Mã SV : 1412401363
Lớp : QT1807K Ngành : Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận , thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.
- Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu quý 1 năm 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Bùi Thị Ngọc Yên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Bùi Thị Ngọc Yến , lớp QT1807K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời , sinh viên Yến rất chăm chỉ , chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận .

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận , thực tiễn , tính toán số liệu ..):

-Chương 1 : Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-Chương 2 : Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy. Số liệu được khảo sát quý 1 năm 2016 khá phong phú

-Chương 3: đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ)

.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.	3
1.1. Doanh thu	3
1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.1.1.1. Khái niệm:	3
1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:	3
1.1.1.3. Chứng từ kế toán	4
1.1.1.4. Tài khoản sử dụng:	4
1.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	4
1.1.2.1. Khái niệm:	4
1.1.2.2. Chứng từ kế toán:	5
1.1.2.3. Tài khoản sử dụng	5
1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.3.1. Khái niệm	5
1.1.3.2. Chứng từ kế toán	5
1.1.3.3. Tài khoản sử dụng	6
1.2. Chi phí	6
1.2.1. Giá vốn hàng bán	6
1.2.1.1. Khái niệm:	6
1.2.1.2. Chứng từ kế toán:	8
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:	8
1.2.2. Chi phí tài chính	9
1.2.2.1. Khái niệm:	9
1.2.2.2. Chứng từ kế toán	9
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	9
1.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh	10
1.2.3.1. Khái niệm	10
1.2.3.2. Chứng từ kế toán:	10
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:	10
1.2.3.4. Khái niệm:	10
1.2.3.5. Chứng từ kế toán:	10

1.2.3.6. Tài khoản sử dụng:	11
1.2.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	11
1.2.4.1. Khái niệm:	11
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:.....	12
1.3. Thu nhập khác và chi phí khác.....	12
1.3.1. Thu nhập khác	12
1.3.1.1. Khái niệm:	12
1.3.1.2. Các chứng từ sử dụng:.....	12
1.3.1.3. Tài khoản sử dụng:.....	13
1.3.2. Chi phí khác	13
1.3.2.1. Khái niệm.....	13
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng:	13
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.....	13
1.4. Xác định kết quả kinh doanh.....	14
1.4.1. Khái niệm:.....	14
1.4.2. Chứng từ kế toán.	14
1.4.3. Tài khoản sử dụng:.....	14
2. Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.	15
2.1. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp	15
2.2. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp	16
2.3. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý	16
2.4. Kế toán hạch toán giá vốn hàng bán.....	17
2.5. Kế toán hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	18
2.6. Kế toán hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.	20
2.7. Kế toán hạch toán chi phí khác	20
2.8. Kế toán tổng hợp xác định kết quả doanh thu.	21
3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI QUANG HUY.....	24
1. Khái quát chung về Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.	24
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy	24
1.2. Đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.....	25

1.2.1. Đặc điểm về tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp	25
1.2.2. Ngành nghề kinh doanh.....	25
1.Kinh doanh vật liệu xây dựng	25
2.Gia công ,sản xuất dụng cụ sơn bả	25
1.3. Mô hình và đặc điểm bộ máy quản lý của Doanh nghiệp.....	25
1.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp.....	25
1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ từng phòng ban	26
1.4. Khái quát tổ chức kế toán tại doanh nghiệp.....	26
1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp	26
1.4.2. Chức năng các bộ phận trong bộ máy kế toán	27
1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp	27
1.6. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	28
1.6.1. Chính sách.....	28
1.6.2. Phương pháp kế toán:	28
1.6.3. Nguyên tắc kế toán:	29
2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.....	30
2.1.Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy	30
2.2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy	31
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	31
2.2.1.1.Chứng từ sử dụng:	31
2.2.1.2.Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty	31
2.2.1.3.Một số nghiệp vụ phát sinh:.....	32
2.2.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	38
2.2.2.1.Chứng từ sử dụng:	38
2.2.2.2.Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty	38
2.2.2.3.Nghiệp vụ phát sinh	39
2.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.....	41
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....	41
2.2.3.2. Quy trình sử ghi sổ kế toán tại công ty	42
2.2.3.3. Phương pháp hạch toán	42
2.2.3.4. Nghiệp vụ phát sinh.....	42
2.3.4.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	46
2.3.4.1. Chứng từ sử dụng.....	47

2.3.4.3. Nghiệp vụ phát sinh	47
2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy	54
2.3.5.1. Chứng từ sử dụng:.....	54
2.3.5.2. Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	54
2.3.5.3. Ví dụ minh họa:.....	55
2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60
2.3.6.1. Chứng từ sử dụng.....	60
2.3.6.2. Trình tự ghi sổ	60
2.3.6.3. Nghiệp vụ phát sinh:.....	61
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI QUANG HUY.	66
1.Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Quang Huy	67
1.1.1.Uưu điểm và nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Quang Huy.	66
1.2.Nguyên tắc hoàn thiện trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.	68
1.2.1Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.	68
1.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.....	68
1.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	69
1.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.....	70
KẾT LUẬN	83

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp	15
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.	16
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.	16
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.	19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	20
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	20
Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả doanh thu	21
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	23
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của doanh nghiệp	25
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán trong công ty.....	26
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	30
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính	38
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán	42
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	47
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	55
Sơ đồ 2.9 : Sơ đồ bút toán kết chuyển doanh thu , chi phí quý 1 năm 2016.....	56
Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí thuế TNDN	60

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng biểu 2.1: Hóa đơn GTGT (Nguồn: Phòng kế toán)	32
Bảng biểu 2.2: Phiếu thu (Nguồn: Phòng kế toán).....	33
Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT (Nguồn: phòng kế toán)	34
Bảng biểu 2.4: Giấy báo có (Nguồn: phòng kế toán).....	35
Bảng biểu 2.5: Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán).....	36
Bảng biểu 2.6: Sổ cái (Nguồn: phòng kế toán).....	37
Bảng biểu 2.7. Nhật ký chung (Nguồn : phòng kế toán)	40
Bảng biểu 2.8: Sổ cái (Nguồn: Phòng kế toán).....	41
Bảng biểu 2.9: Phiếu xuất kho (Nguồn: Phòng kế toán)	43
Bảng biểu 2.10: Phiếu xuất kho (Nguồn: Phòng kế toán)	44
Bảng biểu 2.11: Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán).....	45
Bảng biểu 2.12: Sổ cái (Nguồn : Phòng kế toán)	46
Bảng biểu 2.13: Hóa đơn tiền điện . Hóa đơn GTGT số 0640968	48
Bảng biểu 2.14: Phiếu chi	49
Bảng biểu 2.15: Hóa đơn GTGT tiền điện thoại	50
Bảng biểu 2.16: Phiếu chi	51
Bảng biểu 2.17: Sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán)	52
Bảng biểu 2.18: Sổ cái (phòng kế toán)	53
Bảng biểu 2.19: Phiếu kế toán.....	57
Bảng biểu 2.21: Sổ nhật ký chung	62
Bảng biểu 2.22: Sổ cái (Nguồn: phòng kế toán).....	62
Bảng biểu 2.23: Sổ nhật ký chung	64
Bảng biểu 2.24: Sổ cái (Nguồn : phòng kế toán).....	64
Bảng biểu 3.1: Hóa đơn GTGT (Nguồn:Phòng kế toán).....	73
Bảng biểu 3.2: Biên bản xác nhận Chiết khấu thương mại	75
Bảng biểu 3.3. Phiếu chi	76
Bảng biểu 3.4. Phiếu kế toán	77
Bảng biểu 3.5. Sổ Nhật ký chung.....	78
Bảng biểu 3.6: Sổ cái.....	79
Bảng biểu 3.7: Sổ Nhật ký bán hàng:	81

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nếu một doanh nghiệp được coi là thành đạt, thành công trong lĩnh vực kinh doanh như một cơ thể người hoàn chỉnh, thì quá trình tiêu thụ sản phẩm tốt chính là cánh tay đắc lực của cơ thể đó. Nhờ có nó mà doanh nghiệp có thể tiến xa hơn, vươn tới những tầm cao của sự thành công. Trong nền kinh tế hiện nay, bất kỳ một doanh nghiệp, một công ty nào khi bước vào lĩnh vực kinh doanh điều mà chú trọng hàng đầu luôn là lợi nhuận. Để đạt được mục đích đó thì kết quả tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ là một trong những điều kiện quan trọng hàng đầu mà doanh nghiệp cần phải quan tâm đến.

Sống trong nền kinh tế mở như hiện nay thì dù một công ty hoạt động trong bất kỳ một ngành nghề kinh doanh nào cũng gặp phải không ít khó khăn và thử thách. Muốn công ty tối đa hóa lợi nhuận để phát triển vững mạnh cần phải không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng nguồn nhân lực, sử dụng tài sản có hiệu quả cao và sử dụng hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau trong đó có kế toán là công cụ mang lại hiệu quả cao nhất. Phải kể đến là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý là đòi hỏi hàng đầu đáp ứng nhu cầu quản lý của công ty, cung cấp các thông tin về việc kinh doanh của doanh nghiệp để giúp cho người quản lý công ty đưa ra các quyết định, chiến lược phát triển công ty và quan trọng hơn kế toán là phương tiện hữu ích để đánh giá hiệu quả tổ chức, quản lý của một doanh nghiệp.

Hiểu được tầm quan trọng này và đã được thực tập kế toán thực tế tại Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy, với những kiến thức đã học được các thầy cô giảng dạy ở trường, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo là Ths. Trần Thị Thanh Thảo đồng thời vì nhận thấy rõ tầm quan trọng của ngành kế toán nói riêng và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng nên em đã chọn đề tài:” Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy “ với mong muốn tìm hiểu rõ hơn thực tế hoạt động tại đơn vị.

2. Mục đích của việc nghiên cứu đề tài

- Nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
- Từ đó đưa ra nhận xét về Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu : Đề tài tập trung nghiên cứu vào doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu , giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp ,... để xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu : Các hóa đơn ,sổ sách và các số liệu của nghiệp vụ minh họa được lấy ở quý 1 năm 2016 tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra
- Phương pháp thu thập
- Phương pháp mô phỏng
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp phân tích

5. Nội dung nghiên cứu

- Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

- Được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của Giảng viên là Ths. Trần Thị Thanh Thảo cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo, giúp đỡ của tập thể ban lãnh đạo cùng toàn thể Phòng ban kế toán Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn .

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1:**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

1.1. Doanh thu**Khái niệm:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của các doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**1.1.1.1. Khái niệm:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu mà doanh nghiệp bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Ghi nhận doanh thu bán hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp sẽ thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

1.1.1.3.Chứng từ kế toán

- Hóa đơn giá trị gia tăng hàng hóa dịch vụ bán ra
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ
- Các chứng từ kế toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng

1.1.1.4.Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511: Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu , thuế GTGT phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá, chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính

1.1.2.1.Khái niệm:

Là khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trả chậm trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái gồm cả lãi bán ngoại tệ
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác
-

1.1.2.2. Chứng từ kế toán:

- Hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Các chứng từ kế toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng

1.1.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ	TK 515	Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3.1. Khái niệm

- **Chiết khấu thương mại:** chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán

- **Hàng bán bị trả lại:** là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán

- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

1.1.3.2. Chứng từ kế toán

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

1.1.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521: các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2 sau đây:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Nợ	TK521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.2. Chi phí

Khái niệm:

Chi phí là số tiền mà doanh nghiệp phải chi để mua các yếu tố đầu vào cần thiết cho quá trình sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Gồm có các loại chi phí sau:

1.2.1. Giá vốn hàng bán

1.2.1.1. Khái niệm:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của thành phẩm, hàng hóa, chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ.

Có các phương pháp tính giá vốn hàng bán như sau:

- **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi áp dụng phương pháp này thì giá mua hàng phải được theo dõi theo từng lô, từng loại hàng và phải theo dõi từ khâu mua đến khâu bán, do đó hàng hóa xuất bán thuộc lô nào thì giá vốn hàng bán chính là giá mua của hàng hóa đó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho

có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp này có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Có 2 cách tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền:

- **Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:** sau mỗi lần nhập, sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân.

Công thức tính giá:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá HH tồn đầu kỳ} + \text{trị giá HH nhập trước lần xuất } i}{\text{SL hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng hóa nhập trước lần xuất } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- **Bình quân gia quyền cuối kỳ:** Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ.

Công thức tính giá:

$$\text{Đơn giá} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{trị giá hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{SL hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{SL hàng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (phương pháp FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

• Phương pháp nhập sau xuất trước (phương pháp LIFO)

Theo phương pháp này hàng hóa nào mua vào sau cùng sẽ được xuất trước. Phương pháp này ngược với phương pháp trên chỉ thích hợp với giai đoạn lạm phát.

- Ưu điểm: Với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

- Nhược điểm: Trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

1.2.1.2. Chứng từ kế toán:

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.
- Bảng phân bổ giá vốn.

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra trong kỳ - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn hàng hóa, sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính sang TK 911
Tổng phát sinh có		Tổng phát sinh nợ
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ		

1.2.2. Chi phí tài chính

1.2.2.1. Khái niệm:

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

1.2.2.2. Chứng từ kế toán

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ Ngân hàng
- Cổ phiếu, trái phiếu (nếu có)

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Chi phí lãi tiền vay,lãi mua hàng trả chậm,lãi thuê tài sản thuê tài chính. -Lỗ bán ngoại tệ -Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán -Chiết khấu thanh toán cho người mua -Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư -Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 		<ul style="list-style-type: none"> -Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác -Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính -Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ		

1.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh gồm:

- **Chi phí bán hàng**

1.2.3.1. Khái niệm

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

1.2.3.2. Chứng từ kế toán:

- Bảng lương nhân viên, bảng phân bổ lương
- Phiếu xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận bán hàng
- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Nợ	TK 6421	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.		- Các khoản giảm chi phí bán hàng. - Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

1.2.3.4. Khái niệm:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

1.2.3.5. Chứng từ kế toán:

- Bảng phân bổ lương.
- Phiếu xuất kho VL, CCDC sử dụng cho bộ phận quản lý.

- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Hóa đơn GTGT.

1.2.3.6. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ	TK 6422	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh. - Dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp thất nghiệp. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí QLDN vào tài khoản 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 6422 không có số phát sinh cuối kỳ.

1.2.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.4.1. Khái niệm:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận vào các năm trước.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ		

1.3. Thu nhập khác và chi phí khác

1.3.1. Thu nhập khác

1.3.1.1. Khái niệm:

Thu nhập khác là khoản phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Gồm các khoản:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
-

1.3.1.2. Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

1.3.1.3.Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711: Thu nhập khác

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911” Xác định kết quả kinh doanh “ 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

1.3.2.Chi phí khác

1.3.2.1.Khái niệm

Là khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các DN, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế.
- Các khoản chi phí khác.

1.3.2.2.Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

1.3.2.3.Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 : Chi phí khác

Nợ	TK 811	Có
<p>Các khoản chi phí phát sinh khác</p>		<p>Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</p>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

1.4. Xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Khái niệm:

Là kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, các khoản chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

1.4.2. Chứng từ kế toán.

- Phiếu kế toán.
- Bảng tổng hợp chứng từ kết chuyển.

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

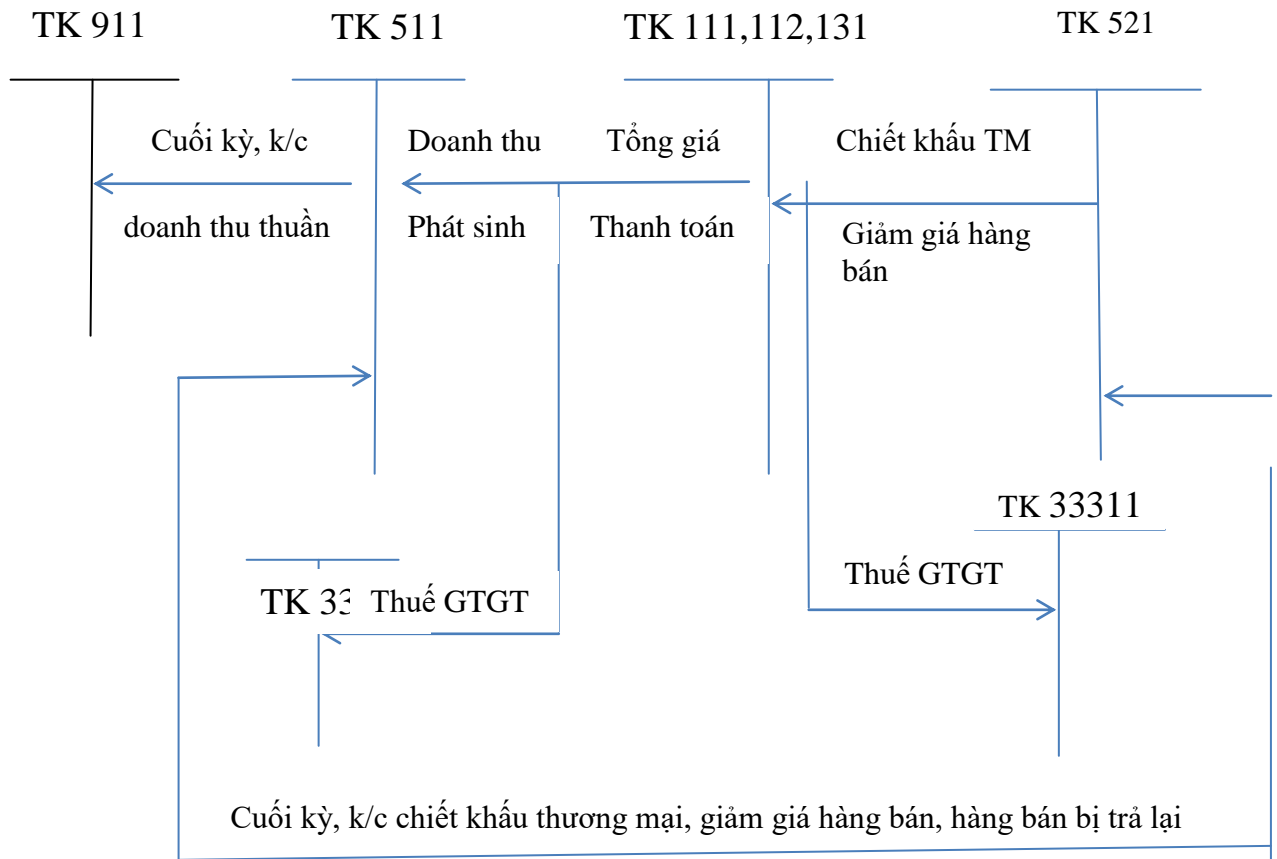
Tài khoản 911 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra. - Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - Kết chuyển lợi nhuận sau thuế. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

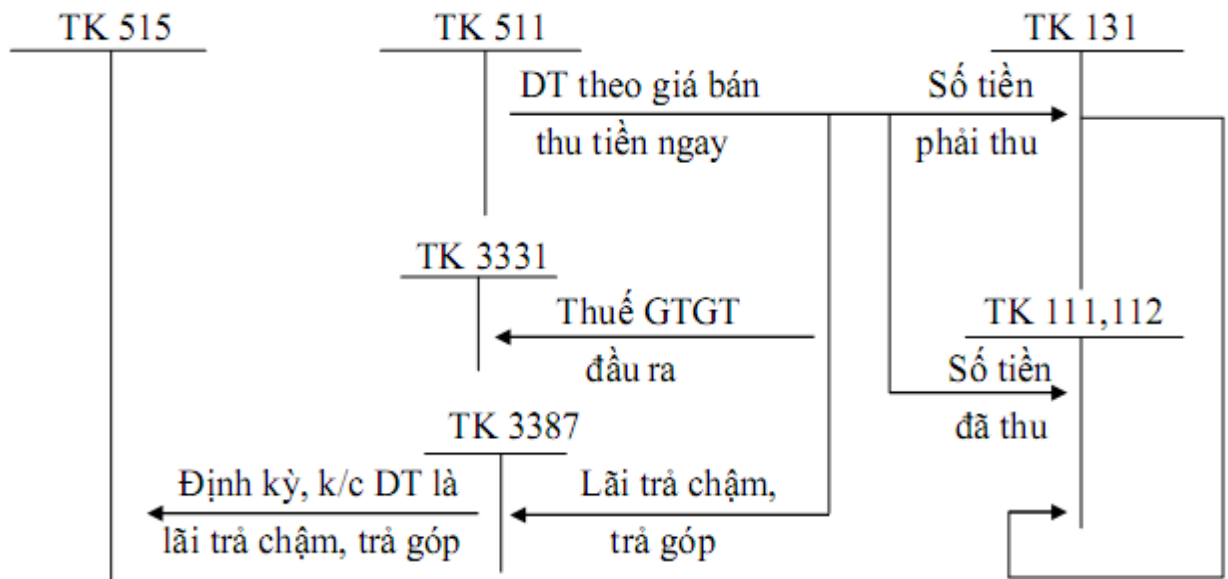
2. Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

2.1. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp



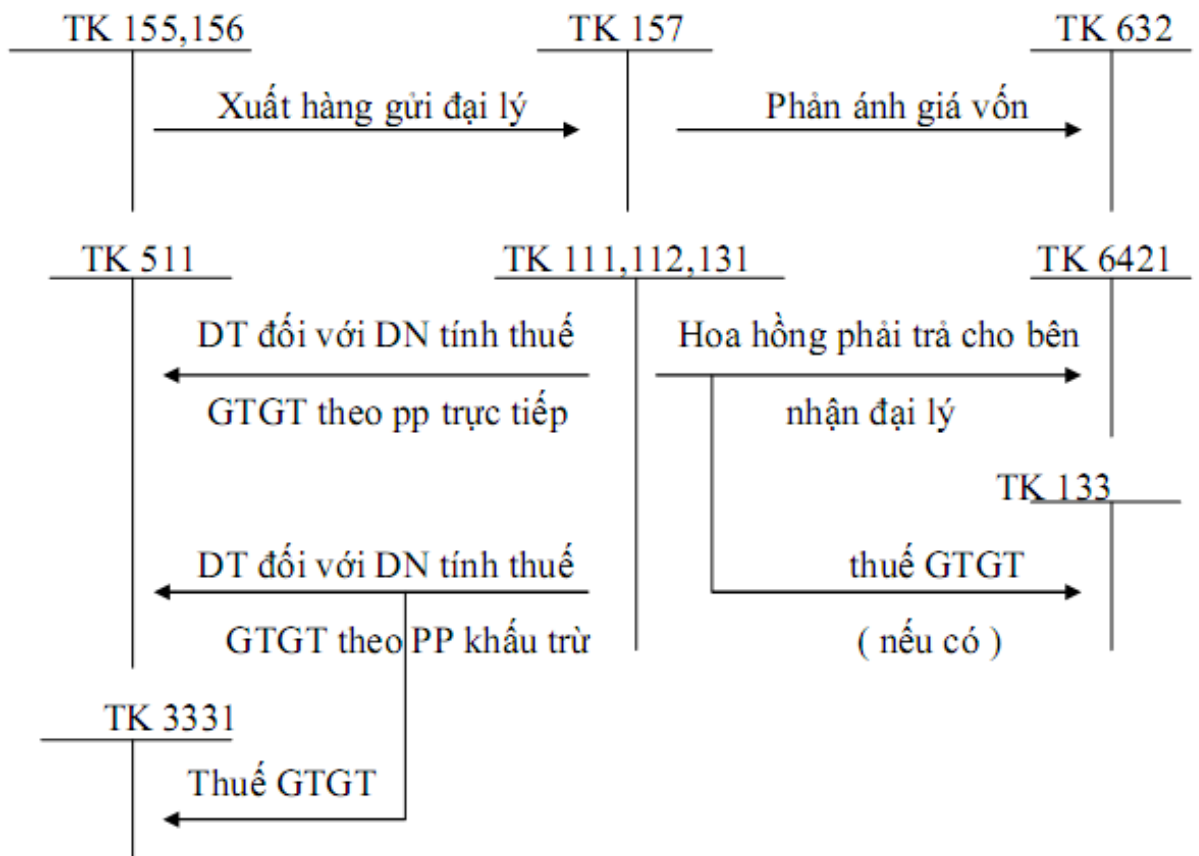
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp

2.2. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



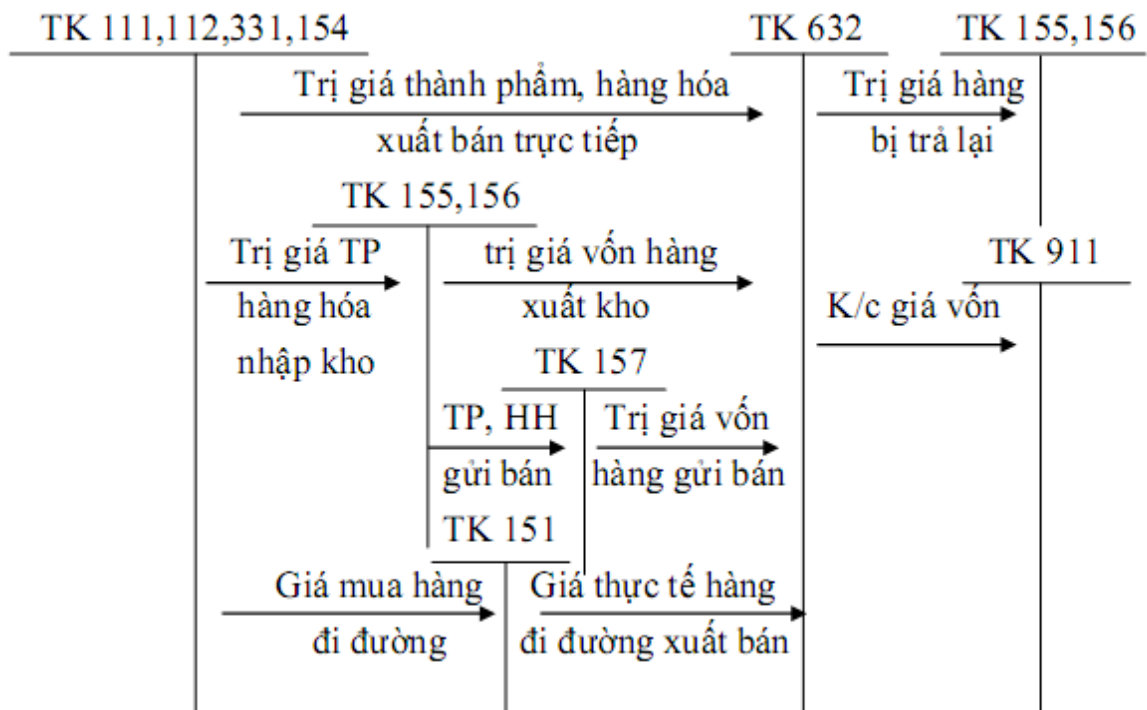
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

2.3. Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý



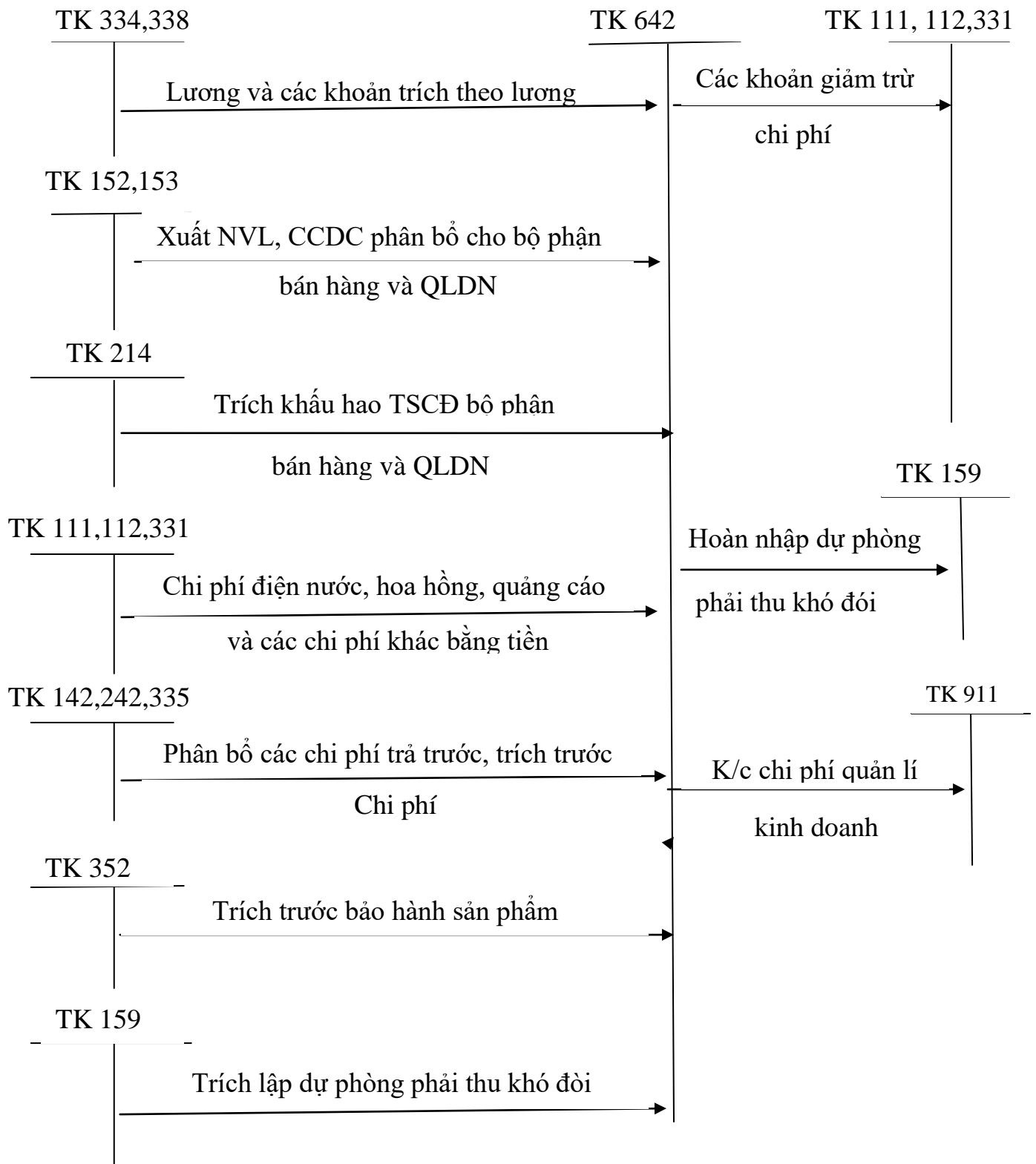
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.

Kế toán hạch toán giá vốn hàng bán



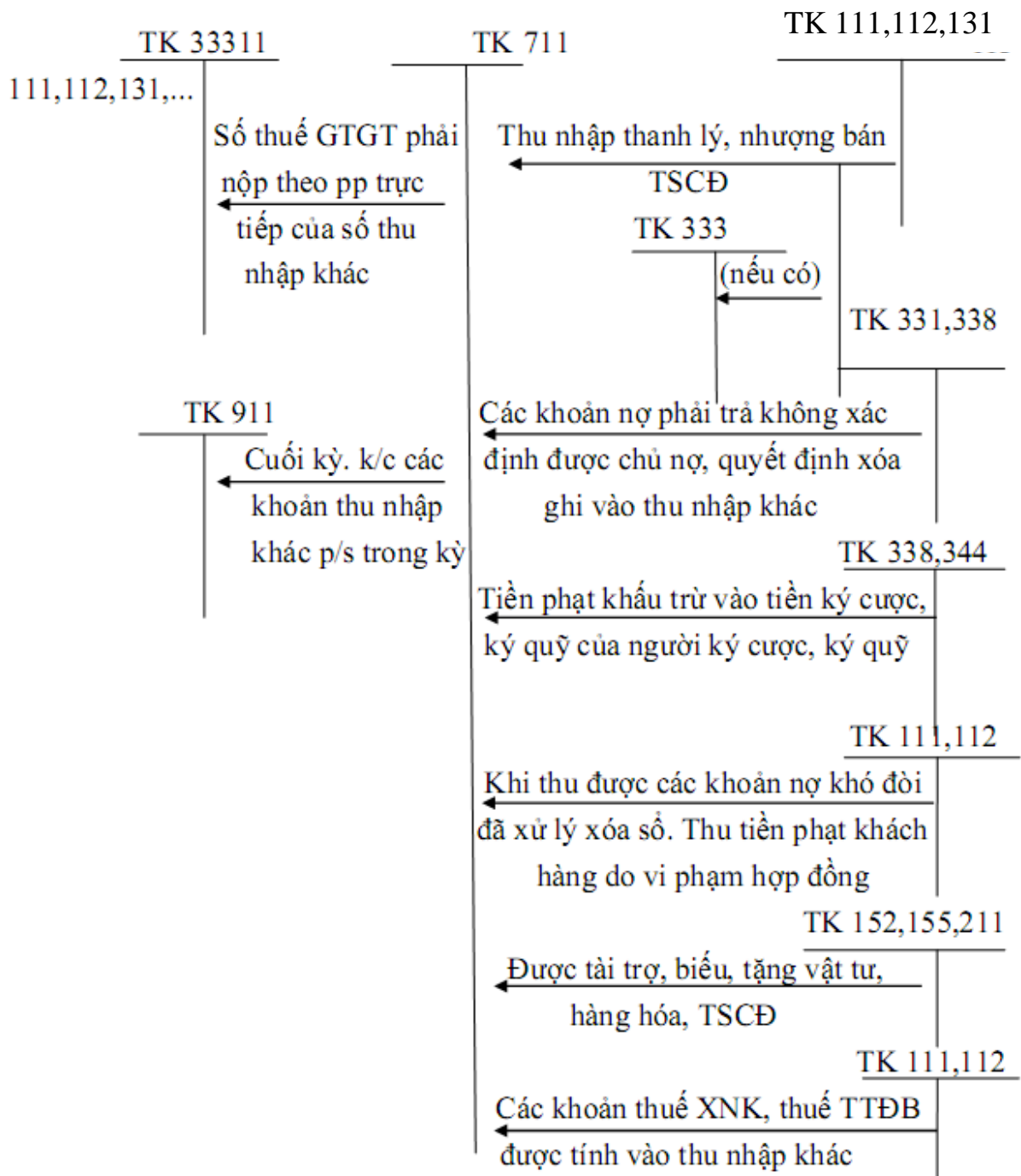
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.

2.4. Kế toán hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



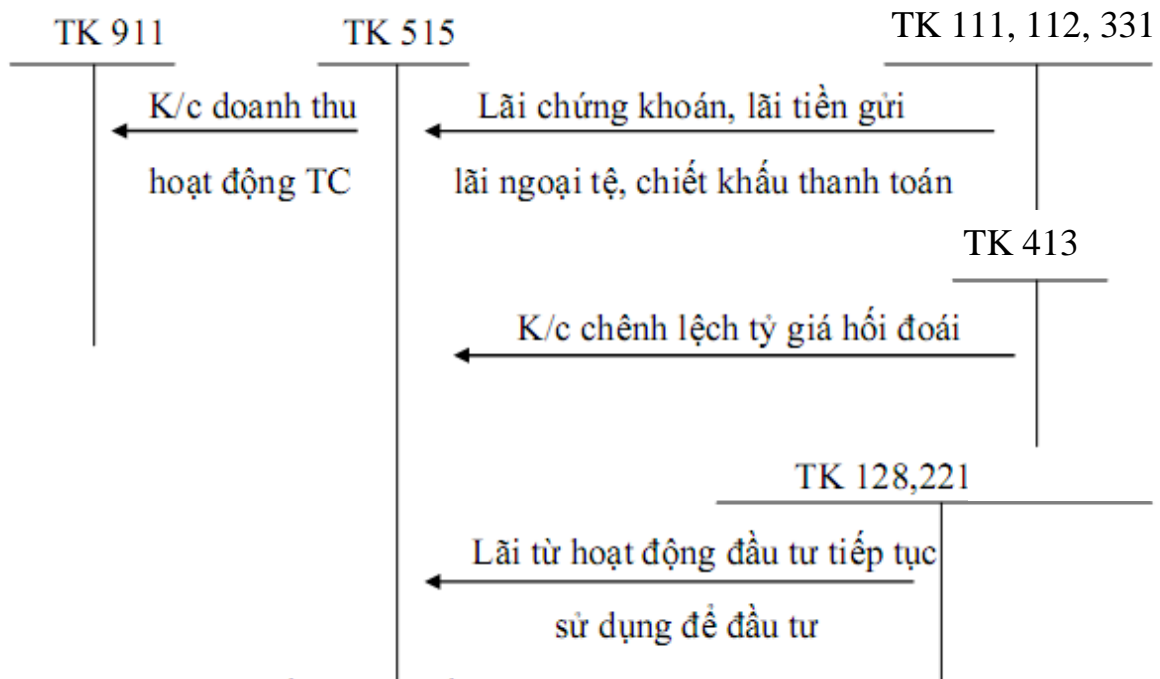
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Kế toán hạch toán thu nhập khác



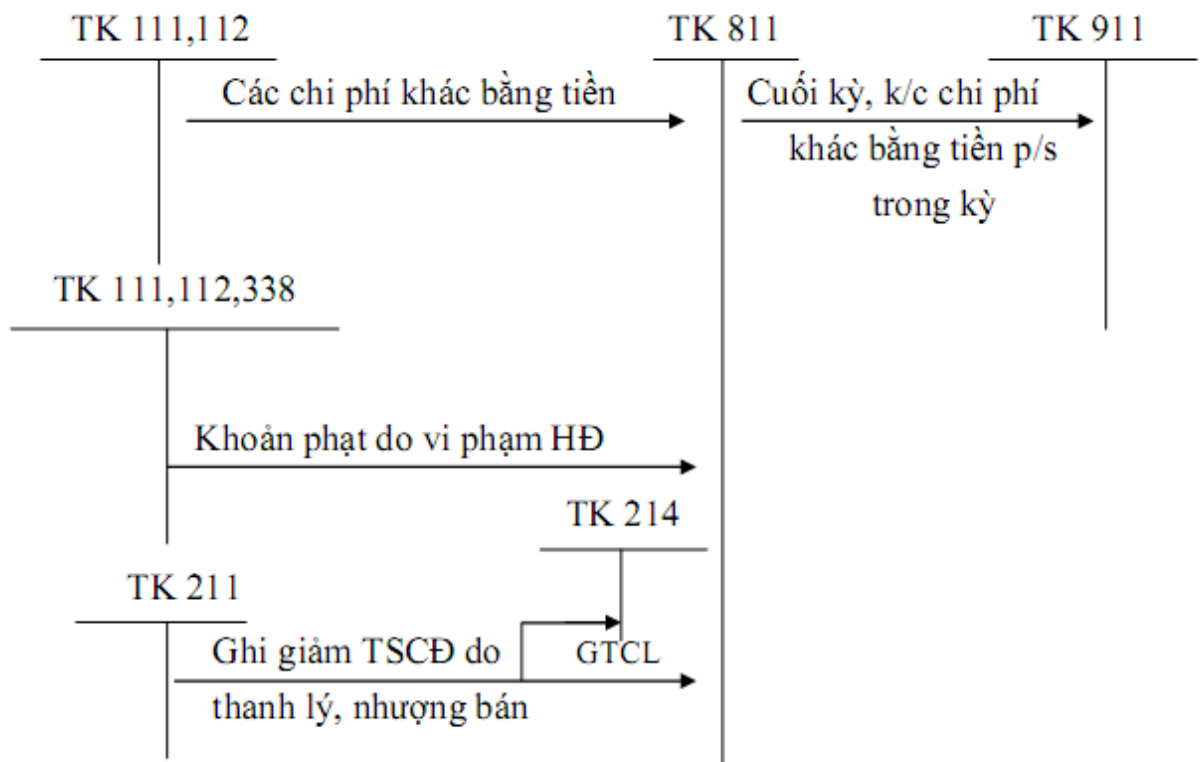
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.

2.5. Kế toán hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



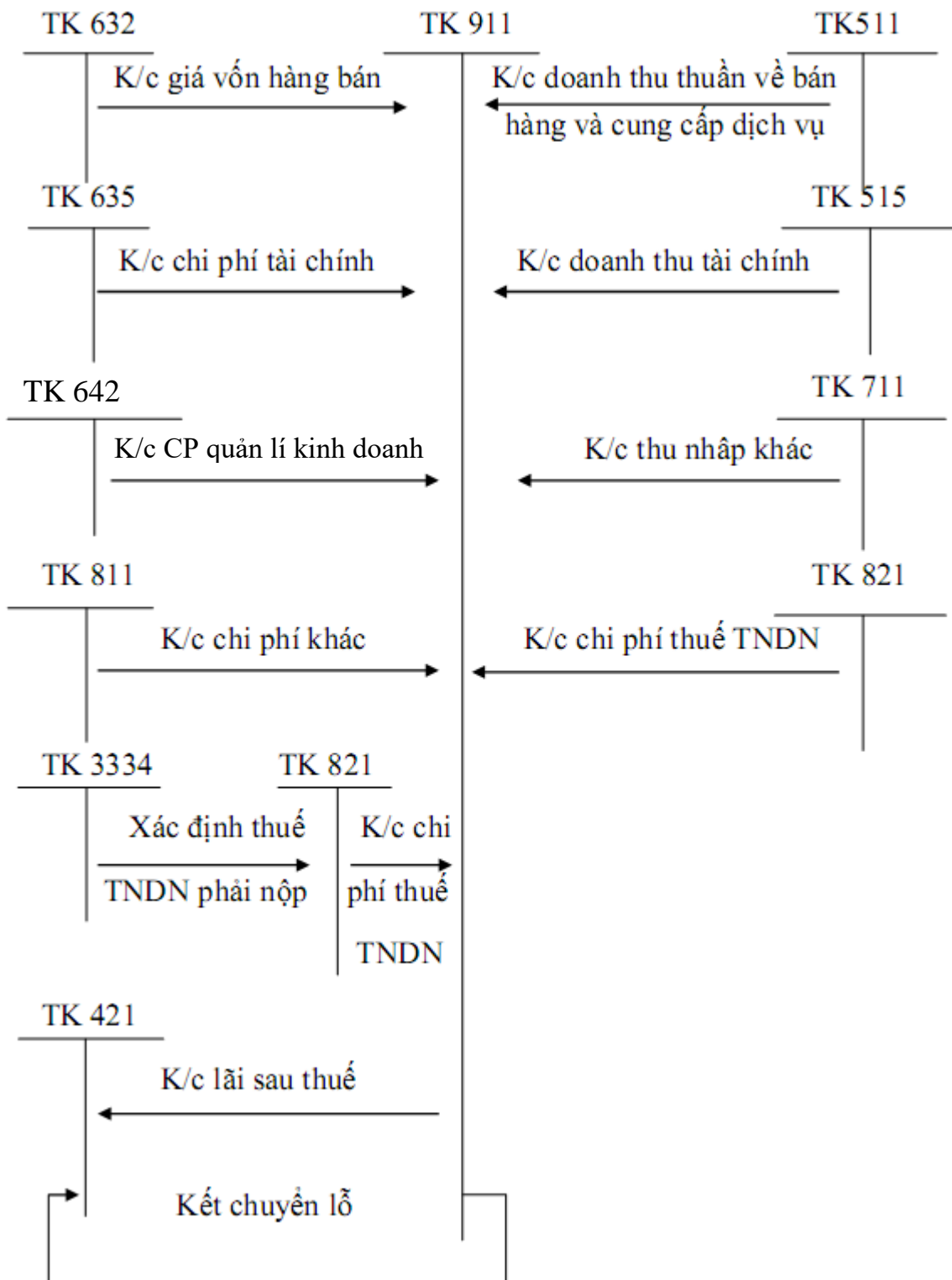
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

2.6. Kế toán hạch toán chi phí khác



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

2.7. Kế toán tổng hợp xác định kết quả doanh thu.



Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả doanh thu

3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Có các loại sổ sách sau:

- **Sổ kế toán tổng hợp:** dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và có trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian.

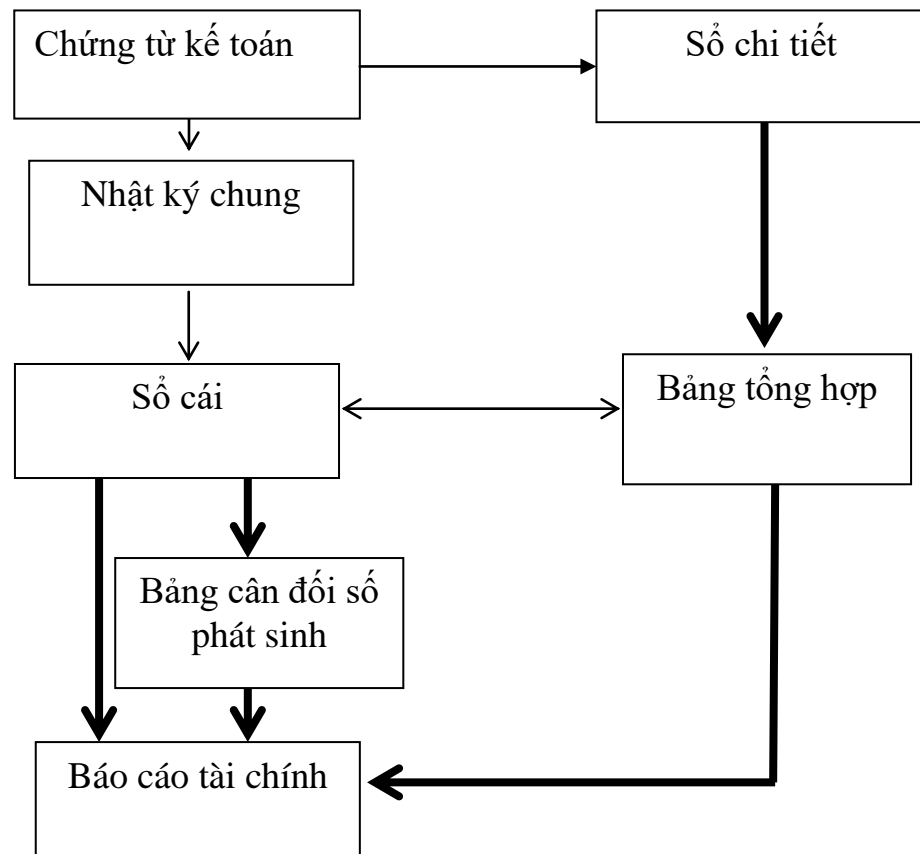
- **Sổ, thẻ kế toán chi tiết:** dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán cần thiết phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu của người quản lý.

- **Có 4 hình thức ghi sổ kế toán:**

- + Hình thức Nhật ký chung
- + Hình thức Nhật ký sổ cái
- + Hình thức Chứng từ ghi sổ
- + Hình thức Kế toán máy

Để phù hợp với các tình hình sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp và thuận lợi trong công tác ghi chép sổ sách kế toán, quản lý của chủ doanh nghiệp thì việc lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán là hết sức cần thiết và quan trọng.

Ví dụ: Sơ đồ kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI QUANG HUY

1. Khái quát chung về Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Với những chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Đảng, nhà nước và địa phương thì việc thành lập một doanh nghiệp thương mại kinh doanh những loại mặt hàng mà nhà nước cho phép, đồng thời tạo được bộ mặt mới cho địa phương thì doanh nghiệp luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, sự quan tâm của chính quyền địa phương trên con đường phát triển. Một số thông tin của doanh nghiệp .

- Tên doanh nghiệp : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI QUANG HUY.
- Ngày hoạt động : 28/01/2005
- Địa chỉ: Số 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng - Huyện An Dương - Hải Phòng
- Loại hình : Doanh nghiệp tư nhân
- Mã số thuế: 0200610725
- Giấy phép kinh doanh:
- Điện thoại: 0313.700.293
- Fax: 031.700.294.
- Với số vốn điều lệ là: 4.500.000.000 VNĐ
- Người đại diện theo pháp luật : Lê Văn Huỳnh

Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy được thành lập ngày 28/01/2005 .Là một công ty hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, thi công công trình.

Doanh nghiệp đã có nhiều nỗ lực không ngừng, hoạt động và phát triển theo tiêu chí “thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ đã cung cấp”, với đội ngũ nhân viên năng lực và giàu kinh nghiệm, Quang Huy đã trở thành một doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực cung cấp các loại vật liệu xây dựng cho các công trình từ nhỏ đến lớn

tại Hải Phòng nói chung và miền Bắc nói riêng. Thành công của Doanh nghiệp được ghi nhận qua hàng loạt các hợp đồng, các dự án có giá trị với cơ quan Nhà nước, các công ty, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.v.v..

1.2. Đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.2.1. Đặc điểm về tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp

Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy là doanh nghiệp nhập hàng hóa của các công ty sản xuất, là đại lý của các công ty này rồi giao cho đại lý cấp dưới, các công trình xây dựng từ dân dụng đến công nghiệp, trưng bày các sản phẩm để bán. Ngoài ra doanh nghiệp có dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ cho các công trình xây dựng.

1.2.2. Ngành nghề kinh doanh

1. Kinh doanh vật liệu xây dựng

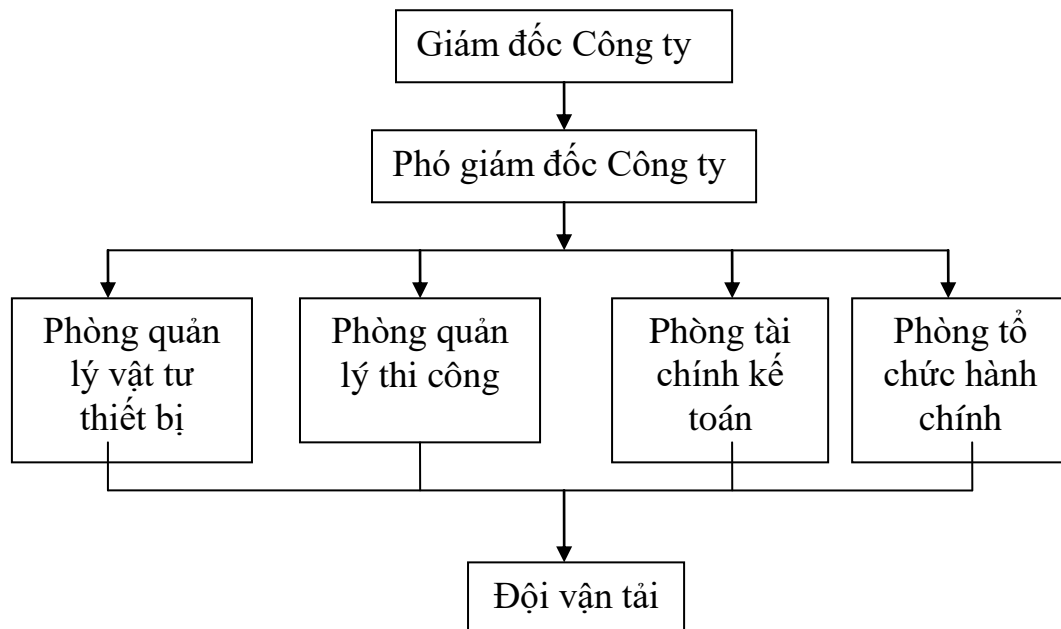
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ

2. Gia công ,sản xuất dụng cụ sơn bả

1.3. Mô hình và đặc điểm bộ máy quản lý của Doanh nghiệp

1.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được tổ chức gọn nhẹ và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu kinh doanh:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của doanh nghiệp

1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ từng phòng ban

***Giám đốc công ty:** Là người quản lý công ty theo chế độ một thủ trưởng, có quyền quyết định việc điều hành mọi hoạt động của công ty: Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và toàn thể hoạt động trong công ty về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tuân thủ pháp luật của công ty.

***Phó giám đốc công ty:** Chịu trách nhiệm triển khai, đôn đốc việc thực hiện công tác bán hàng, chỉ đạo xây dựng các phương án tiêu thụ sản phẩm của công ty, tìm kiếm thị trường mới cho các sản phẩm mới của công ty

***Phòng quản lý vật tư thiết bị:** chịu trách nhiệm quản lý về tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật tư, hàng hóa trong kho.

***Phòng quản lý thi công:** chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc quản lý đội vận tải. Sắp xếp, đôn đốc đội vận tải thi công thực hiện công việc một cách hiệu quả đảm bảo đúng theo yêu cầu của khách hàng về chất lượng, kỹ thuật, và tiến độ công việc.

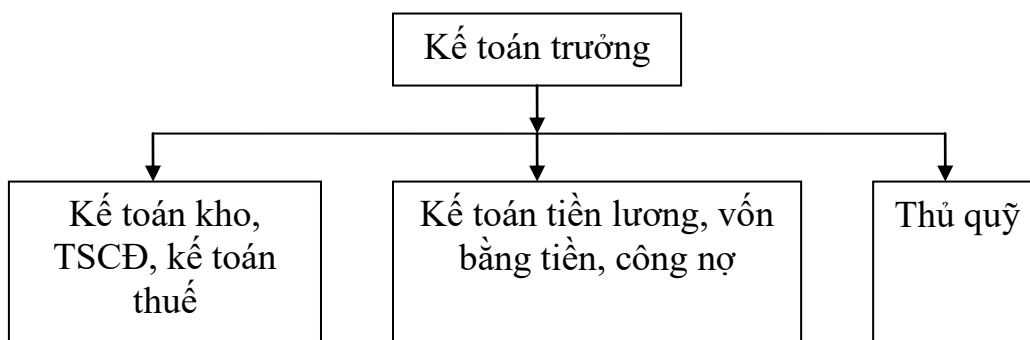
***Phòng tài chính kế toán:** chịu trách nhiệm tổ chức ghi chép hạch toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Đồng thời thực hiện phân tích tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.

***Phòng tổ chức hành chính:** có nhiệm vụ quản lý nhân sự, thực hiện các công việc liên quan đến hành chính, nhân sự của công ty.

1.4. Khái quát tổ chức kế toán tại doanh nghiệp

1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Công tác kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân TM Quang Huy được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung tại phòng tài chính kế toán của công ty. Bộ máy kế toán của công ty gồm 4 người được thể hiện qua sơ đồ tổ chức sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán trong công ty

1.4.2. Chức năng các bộ phận trong bộ máy kế toán

•**Kế toán trưởng:** Phụ trách toàn bộ công tác kế toán của công ty và chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên kế toán trong phòng. Định kỳ có nhiệm vụ lập báo cáo quyết toán đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc và nhà nước về thông tin do mình cung cấp.

•**Kế toán kho, TSCĐ, kế toán thuế:** chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về việc thực hiện các công việc kế toán liên quan đến phân hành kế toán kho, tài sản cố định, và lập các báo cáo thuế hàng tháng, hàng quý.

•**Kế toán thanh toán, công nợ, vốn bằng tiền, lương:** : Có nhiệm vụ theo dõi và thực hiện các công việc liên quan đến phân hành kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương, và công nợ của công ty.

•**Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt, theo dõi tình hình thu chi hàng ngày đề nghị vào sổ quỹ, lập báo cáo quỹ

1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp

- Doanh thu của doanh nghiệp chủ yếu là doanh thu về bán các loại vật liệu xây dựng dân dụng và công nghiệp, gia công sản xuất dụng cụ sơn bả,...
- Ngoài ra, còn có doanh thu về dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ.
- Tại công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

Để hiểu rõ về sự phát triển và vị trí công ty trên thị trường ta hay nhìn vào bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần đây:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch	
				Tiền	Tỷ trọng
1	Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,658,795,351	7,210,147,987	551,352,636	8%
2	Giá vốn hàng bán	5,648,224,861	5,897,562,341	249,337,480	4%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,010,570,490	1,312,585,646	302,015,156	30%
4	Chi phí QLDN	556,426,488	598,751,234	42,324,746	8%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	454,144,002	713,834,412	259,690,410	57%
6	Thuế TNDN	90,828,800	142,766,882	51,938,082	
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	363,315,202	571,067,530	207,752,328	

Thông qua số liệu tính toán được ta thấy:

- Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty năm 2015 tăng hơn so với năm 2014 8% tương đương 551,352,636. Đây là biểu hiện tốt của công ty cho thấy công ty ngày càng cố gắng nỗ lực đầu tư mở rộng quy mô và nâng cao trình độ của nhân viên để có thể bán ra được nhiều hàng hóa và cung cấp được nhiều dịch vụ tốt nhất đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Giá vốn hàng bán năm 2015 tăng so với năm 2014, cụ thể là tăng 249,337,480 đồng tương đương với 4% . Nguyên nhân tăng có thể do giá đầu vào của hàng hóa thay đổi và số lượng hàng hóa tiêu thụ của năm 2015 cao hơn

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2015 cao hơn năm 2014 là 302,015,156 đồng tương ứng với 30%

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty năm 2015 cao hơn so với năm 2014 42,324,746 đồng tương ứng với 8%. Nguyên nhân làm tăng cao chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty có thể do công ty mở rộng quy mô nên chi phí nhân viên và chi phí điện nước tăng lên.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015 tăng so với năm 2014 là 259,690,410 tương đương 57%. Đây là thành tích tốt của công ty. Công ty cần cố gắng phát huy trong thời gian tới

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được công ty cũng vấp phải những khó khăn mà hầu hết công ty nào khi vận hành cũng gặp phải, đó là vấn đề về vốn. Điều này khiến cho việc kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn trong vấn đề sử dụng vốn sao cho hợp lý nhất mà không ảnh hưởng đến tới hoạt động kinh doanh.

1.6. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

1.6.1. Chính sách

Hệ thống tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo tài chính sử dụng ở doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

1.6.2. Phương pháp kế toán:

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân
- Niên độ kế toán của công ty: trùng với năm dương lịch (bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm)
- Doanh nghiệp tính và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ

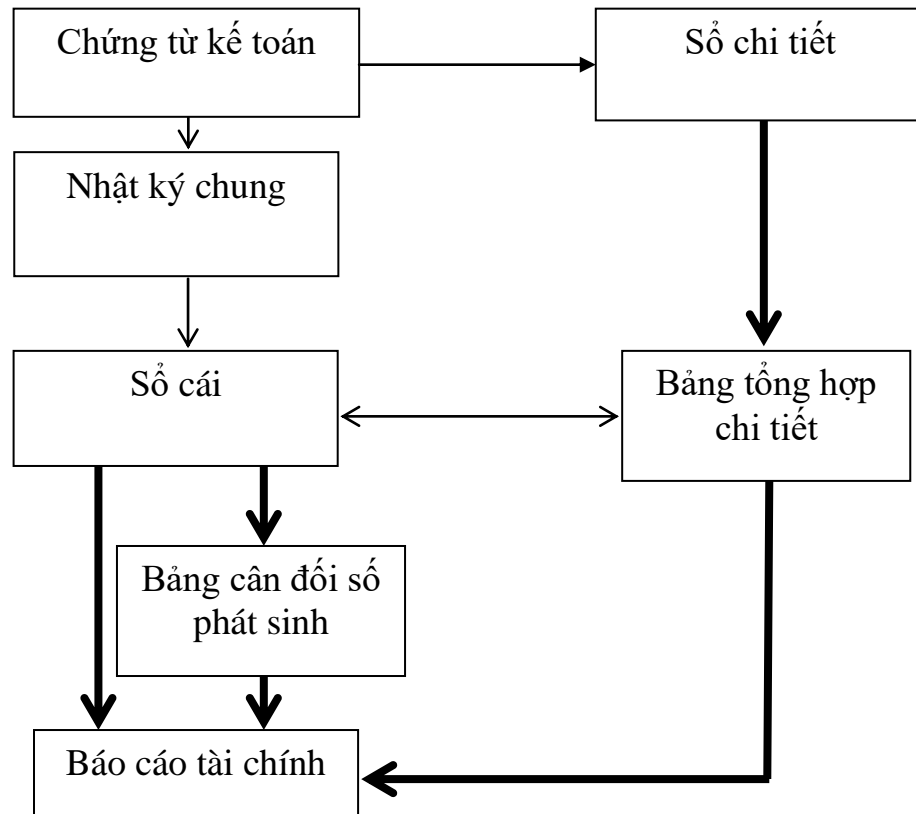
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: nhập trước xuất trước
- Đơn vị tiền tệ sử dụng là Việt Nam Đồng (VND)
- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu thu, phiếu chi
 - + Bảng kê mua hàng
 - + Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có
 - + Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Hệ thống báo cáo tài chính:
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - + Thuyết minh báo cáo tài chính

1.6.3. Nguyên tắc kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế các nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Các loại sổ sách thường dùng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Trình tự ghi sổ:
 - + Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
 - + Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \longrightarrow
- Kiểm tra, đối chiếu \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Doanh thu của Doanh nghiệp chủ yếu là cung cấp các sản phẩm hàng hóa vật liệu phục vụ cho công việc xây dựng các công trình từ nhỏ đến lớn như nhà ở, văn phòng, công ty ,xí nghiệp ...như sắt, thép,son, bả,đất, cát,... Hàng hóa được bán trực tiếp và được chuyên chở đến tận nơi cho khách hàng. Khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt trực tiếp hoặc chuyên khoản.

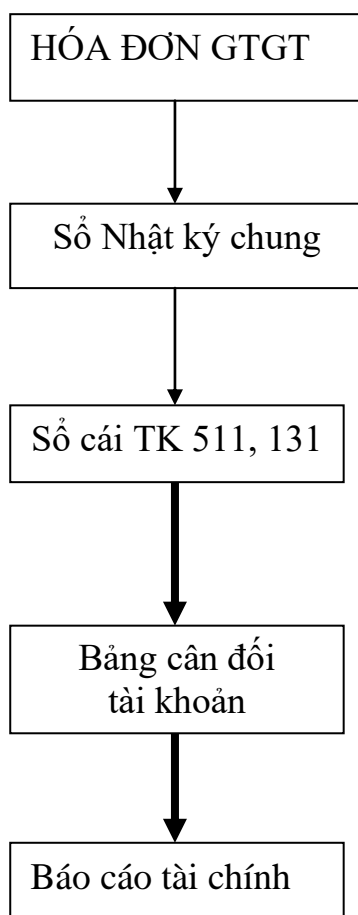
2.2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

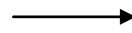
2.2.1.1.Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có
-

2.2.1.2. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng (định kỳ)



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ phát sinh:

- Ngày 7/1/2016: Xuất sơn bán cho ông Phạm Đình Quang công ty TNHH Tân Bình số tiền là 17.627.500 (đã bao gồm thuế VAT) . khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Bảng biểu 2.1: Hóa đơn GTGT (Nguồn: Phòng kế toán)

Hóa đơn GTGT	Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ	Ký hiệu: AA/13P
Ngày 07 tháng 01 năm 2016	Số HĐ : 0000087

Đơn vị bán hàng: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Địa chỉ: 492 Đường Tôn Đức Thắng ,Xã An đông,Huyện An Dương ,Hải Phòng
MST: 0200610725

TK số:

Họ tên người mua hàng: Phạm Đình Quang

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: Số 10 Tôn Đức Thắng - Hải Phòng.

STK:

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MST: 010123789

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sơn	Kg	210	76.000	16.025.000
Cộng tiền hàng					16.025.000
Thuế suất GTGT 10%					1.602.500
Tổng cộng tiền thanh toán					17.627.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng ./.

Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>
---	---	--

Bảng biểu 2.2: Phiếu thu (Nguồn: Phòng kế toán)

**Doanh Nghiệp Tư Nhân
TM Quang Huy**

Mẫu số 01 - TT
Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC
Số: 01
Nợ TK 111
Có TK 511,3331

PHIẾU THU

Ngày 07 tháng 1 năm 2016

Họ và tên người nộp tiền: Phạm Đình Quang

Địa chỉ: Công ty TNHH Tân Bình

Lý do thu: Thanh toán tiền mua sơn

Số tiền: 17.627.500 đồng

Bằng chữ : Mười bảy triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 1 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	-----------------------------------	------------------------------------	--------------------------------	-------------------------

2. Ngày 26/1/2016: Bán đất đỏ cho công ty TNHH Hoàng Lâm số tiền là 718.380.000 (chưa bao gồm thuế VAT) . khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu 2.3. Hóa đơn GTGT (Nguồn: phòng kế toán)

Hóa đơn GTGT	Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ	Ký hiệu: AA/13P
Ngày 26 tháng 01 năm 2016	Số HĐ : 0000090

Đơn vị bán hàng: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Địa chỉ: 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông - Huyện An Dương - Hải Phòng

MST: 0200610725

TK số:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công Ty TNHH Hoàng Lâm

Địa chỉ: xã Lâm Động – huyện Thủy Nguyên – tp Hải Phòng

STK: 10000508773

Hình thức thanh toán : CKMST: 010123789

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đất đỏ	M3	7.982	90.000	718.380.000
Cộng tiền hàng					718.380.000
Thuế suất GTGT 10%					71.838.000
Tổng cộng tiền thanh toán					790.218.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng ./.

Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>
--	--	---

Bảng biểu 2.4: Giấy báo có (Nguồn: phòng kế toán)



GIẤY BÁO CÓ

Chi Nhánh: ACB-Hải Phòng Ngày: 28/ 1 /2016 Mã GDV: Nguyen Kieu My
Mã KH : 15690

Số GD : 379

Kính gửi: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Mã số thuế: 0200610725

Hôm nay cúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 1342769298

Số tiền bằng số: 790.218.000

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng.

Nội dung: CTY HOANG LAM THANH TOAN

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Bảng biểu 2.5: Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
PT01 HĐ00087	7/1	Bán sơn cho ông Phạm Đình Quang		111	17.627.500	
				511		16.025.000
				3331		1.602.500
HĐ00088	25/1	Bán đá cho cty Sao Mai		131	150.656.000	
				511		136.960.000
				3331		13.696.000
PT02 HĐ 00089	25/1	Công ty TNHH Cường Nhi mua gạch chỉ		111	11.550.000	
				511		10.500.000
				3331		1.050.000
HĐ 00090	26/1	Bán đất đỏ cho cty Hoàng Lâm		112	790.218.000	
				511		718.380.000
				3331		71.838.000
...
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.6: Sổ cái (Nguồn: phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			-
7/1	HĐ00087	Bán sơn cho ông Phạm Đình Quang	111		16.025.000
25/1	HĐ00088	Bán đá cho cty Sao Mai	131		136.960.000
25/1	PT05	CTy TNHH Cường Nhi thanh toán	111		17.640.000
26/1	H Đ00090	Bán đất đỏ cho cty Hoàng L âm	131		718.380.000
....
Cộng SPS trong kì				1,857,546,646	1,857,546,646
Dư cuối tháng					-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

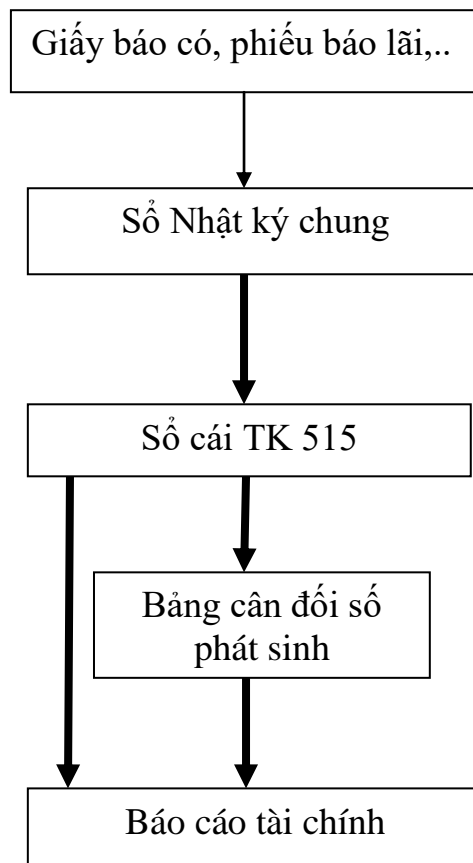
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- ...

2.2.2.2. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính

2.2.2.3. Nghiệp vụ phát sinh

1. Ngày 18/01/2016 công ty nhận được lãi tiền gửi của Ngân hàng Á Châu



GIẤY BÁO CỐ

Chi Nhánh: ACB-Hải Phòng

Ngày: 18/ 1 /2016

Mã GDV: Nguyen Thu

Mã KH : 15690

Số GD : 400

Kính gửi: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Mã số thuế: 0200610725

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 1342769298

Số tiền bằng số: 34.380

Số tiền bằng chữ: Ba mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi đồng

Nội dung: Nhập lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Bảng biểu 2.7. Nhật ký chung (Nguồn : phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	ĐGS C	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
GBN 01	7/1	Lệ phí rút tiền		642	45.760	
				112		45.760
GBC 01	18/1	Lãi tiền gửi		112	34.380	
				515		34.380
...
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.8: Sổ cái (Nguồn: Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC

SỔ CÁI

TÀI KHOẢN 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Trích Quý 01/2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kì</i>			-
GBC01	18/1	Nhập lãi tiền gửi	112		34.380
PKT	31/3	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	911	34.380	
Cộng SPS trong kì				34.380	34.380
Dư cuối tháng					-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

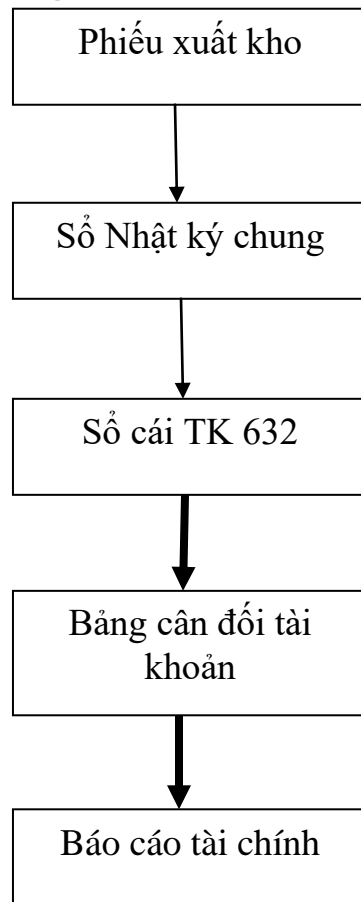
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

2.2.3.2. Quy trình sử ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú : Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng —————>

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán

2.2.3.3. Phương pháp hạch toán

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước : theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết

- Theo phương pháp này có thể tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng.

2.2.3.4. Nghiệp vụ phát sinh

Nghiệp vụ hàng hóa Cọc tre phát sinh

1. Ngày 01/01 trong kho của công ty còn 2000 cây cọc tre , đơn giá 12.000đ/cọc
2. Ngày 15/1 công ty xuất bán 1000 cọc cho công ty TNHH TM Hoàng Quân
Đơn giá xuất = 1.000c x 12.000 đ= 12.000.000đ
3. Ngày 3/2 công ty nhập 2000 cọc tre , đơn giá 13.000đ/cọc
4. Ngày 10/2 công ty xuất bán 1500 cọc tre cho KCN Đình Vũ, Đông Hải, Hải An, HP
Đơn giá xuất = 1.000c x 12.000đ + 500c x 13.000= 18.500.000

Bảng biểu 2.9: Phiếu xuất kho (Nguồn: Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông - Huyện An
 Dương - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
 Ban hành theo QĐ
 số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 01 năm 2016

Quyển số: 01

Số: 32

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người bán hàng: Nguyễn Thị Xuân

Theo HĐGTGT Số 0000095 ngày 15 tháng 01 năm 2016

Lý do xuất kho: Bán hàng cho Công ty TNHH TM Hoàng Quân

Xuất tại kho: Hàng hóa

TT	Tên nhãn hiệu Quy cách, sản phẩm vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	3	4
01	Cọc tre	CT	C	1.000	12.000	12.000.000
	Cộng	X	X	X	X	12.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu đồng chẵn .

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 01 năm 2016

**Người giao
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ Kho
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Bảng biểu 2.10: Phiếu xuất kho (Nguồn: Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông - Huyện An
 Dương - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
 Ban hành theo QĐ
 số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 02 năm 2016

Quyển số: 01

Số: 47

Nợ:632

Có: 156

Họ tên người bán hàng: Nguyễn Thị Xuân
 Theo HĐGTGT Số 0000110 ngày 10 tháng 02 năm 2016
 Lý do xuất kho: Bán hàng cho KCN Đình Vũ
 Xuất tại kho: Hàng hóa

T T	Tên nhãn hiệu Quy cách, sản phẩm vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	3	4
01	Cọc tre	CT	C	1.000	12.000	12.000.000
				500	13.000	6.500.000
	Cộng	X	X	X	X	18.500.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2016

**Người giao
hàng**
(ký, họ tên)

Thủ Kho
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Bảng biểu 2.11: Nhật ký chung (Nguồn: Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
 Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
PX001	7/1	Bán sơn cho Cty TNHH Tân Bình		632	12.000.000	
				156		12.000.000
...
PX32	15/1	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH TM Hoàng Quân		632	12.000.000	
				156		12.000.000
...
PX47	10/2	Giá vốn hàng bán cho KCN Đình Vũ		632	18.500.000	
				156		18.500.000
....
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.12: Sổ cái (Nguồn : Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 632 – Giá vốn hàng bán
(Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kì		-	
7/1	PX01	Bán Sơn	156	12.000.000	
..	
15/1	PX32	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH TM Hoàng Quân	156	12.000.000	
...	
10/2	PX47	Giá vốn hàng bán cho KCN Đình Vũ	156	18.500.000	
..
Cộng SPS trong kì				1,604,168,281	1,604,168,281
Dư cuối kì					-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

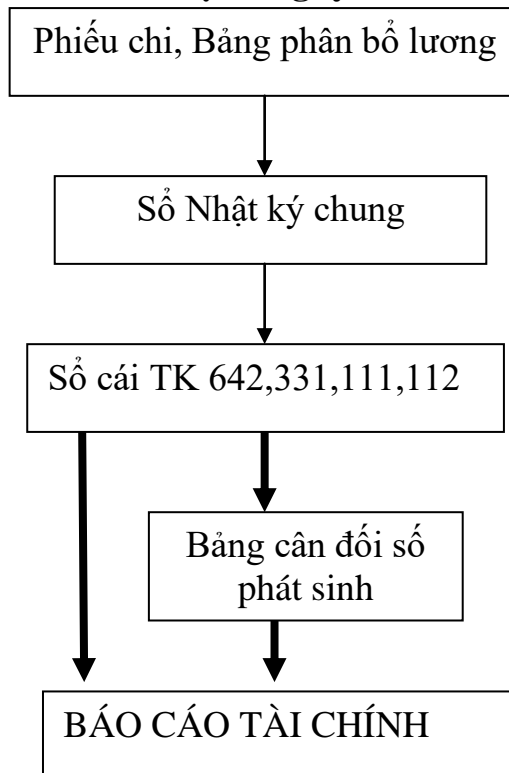
Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp. Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao

TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) chi phí bằng tiền khác.

2.3.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Phiếu chi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao

2.3.4.2. Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

2.3.4.3. Nghiệp vụ phát sinh

1. Ngày 4/2/2016 công ty nhận được hóa đơn tiền điện 3.598.096 , thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt .
2. Ngày 5/2/2016, thanh toán lương tháng 1/2016 cho công nhân viên
3. Ngày 05/02/2016 thanh toán tiền điện thoại cho công ty viễn thông Hải Phòng

Bảng biểu 2.13: Hóa đơn tiền điện . Hóa đơn GTGT số 0640968

Công ty CP Điện nước Lắp máy HP Tên KH: Doanh nghiệp TN TM Quang Huy		HÓA ĐƠN GTGT (THU TIỀN ĐIỆN) Liên 2: Giao cho khách hàng		Mẫu số: 01GTKT2/002 Ký hiệu: AA/15P Số 0640968	
Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số	ĐNTT	Đơn giá	Thành tiền
5.750	3.890	1	1.860		
Tổng giám đốc		Trong	1.320	1518	1.976.436
		đó	558	2320	1.294.560
		Cộng	1.860		3.270.996
		Thuế GTGT (10%)			327.100
		Tổng số tiền thanh toán			3.598.096
Ngày: 04/02/2016		Số tiền bằng chữ: Ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi sáu đồng chẵn			

Bảng biểu 2.14: Phiếu chi

Doanh Nghiệp Tư Nhân TM Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
Ban hành theo QĐ
số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 2 năm 2016

Số: 10
Nợ TK 642,113
Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Xuân

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 1/2016

Số tiền: 3.598.096 đồng

Bằng chữ : Ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi sáu
đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 2 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---	--	--	--------------------------------

Bảng biểu 2.15: Hóa đơn GTGT tiền điện thoại

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số: 01GTKT0/001

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Ký hiệu(Serial No): BB/13E

Số(No): 0751631

Viễn thông thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200287977

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Tên KH: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Địa chỉ: số 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – huyện An Dương - HP

Hình thức thanh toán: Thu tại nhà MST: 0200610725

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	CUOC DICH VU VIEN THONG TP.HP TRA CUOC THANG 01/2016				333.567
Cộng tiền dịch vụ(1)					333.567
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT (2)			33.357
Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)					366.924

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi tư đồng chẵn.

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Giám đốc

Người thu tiền

Người nộp tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Bảng biểu 2.16: Phiếu chi

Doanh Nghiệp Tư Nhân TM Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương
– Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
Ban hành theo QĐ
số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 2 năm 2016

Số: 11
Nợ TK 642,113
Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Xuân

Địa chỉ: phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2016

Số tiền: 366.924 đ

Bằng chữ : Ba trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi tư đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 2 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Bảng biểu 2.17: Sổ nhật ký chung (Nguồn : Phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
	7/1	Lệ phí rút tiền		642	45.760	
				112		45.760
BTL0 1	26/1	Lương văn phòng tháng 1		642	41.500.000	
				334		41.500.000
BTL0 1	26/1	Các khoản trích theo lương tháng 1		642	4.200.000	
				338		4.200.000
PC10	4/2	Thanh toán tiền điện tháng 1 năm 2016		642	3.270.996	
				133	327.100	
				111		3.598.096
PC11	5/2	Thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2016		642	333.567	
				133	33.357	
				111		366.924
...
PKT	31/3	Kết chuyển chi phí QLDN vào 911		911	151,598,323	
				642		151,598,323
...
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.18: Sổ cái (phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
 Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 642 – Chi phí Quản lý doanh nghiệp
 (Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu quý</i>		-	
7/1		Lệ phí rút tiền	112	45.760	
26/01	BTL01	Lương văn phòng tháng 1	334	41.5000.000	
26/01	BTL02	Các khoản trích theo lương tháng 1	338	4.200.000	
4/2	PC10	Thanh toán tiền điện tháng 1 năm 2016	642	3.270.996	
5/2	PC11	Thanh toán tiền điện thoại tháng 1/2016	642	333.567	
	
30/11	PKT	Kết chuyển chi phí vào 911	911		151,598,323
Cộng SPS trong kì				151,598,323	151,598,323
Dư cuối kì				-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Đối với Công ty Cổ phần thương mại Châu Thanh không phát sinh các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Chi phí bán hàng - Chi phí QLDN

- Kết quả hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

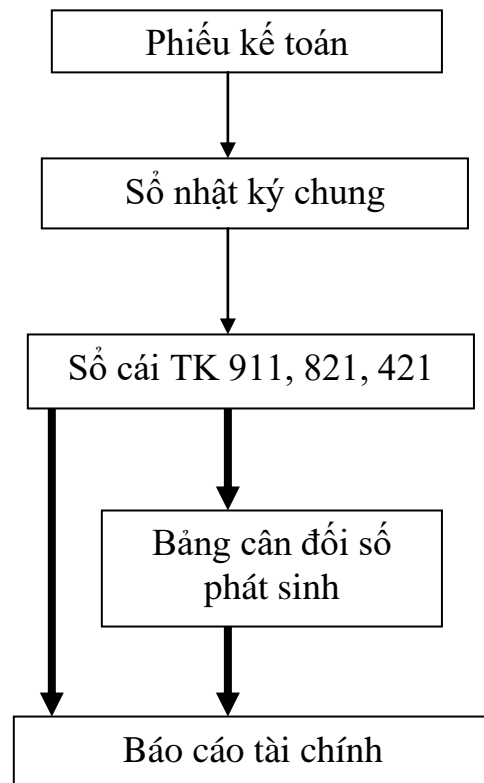
- Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động = KQ hoạt động SXKD + KQ hoạt động tài chính kinh doanh

2.3.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

2.3.5.2. Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh



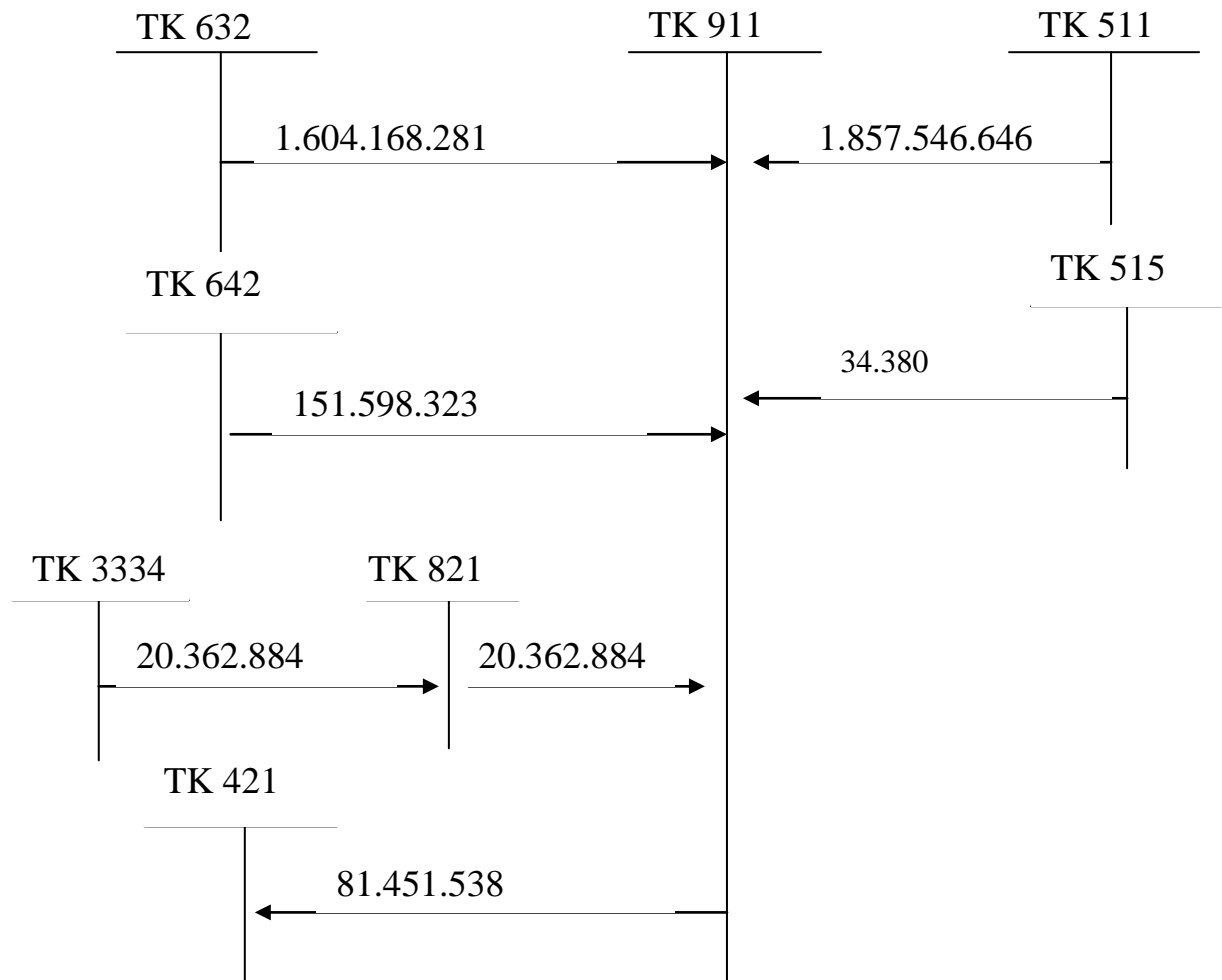
Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.3.5.3. Ví dụ minh họa:

Ngày 31/03/2016 kế toán xác định kết quả kinh doanh quý 1 năm 2016 .Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu. Phiếu kế toán kết chuyển chi phí, giá vốn, từ phiếu kế toán, kế toán làm căn cứ lập Nhật ký chung, Sổ Cái, TK 911



Sơ đồ 2.9 : Sơ đồ bút toán kết chuyển doanh thu , chi phí quý 1 năm 2016

Bảng biểu 2.19: Phiếu kế toán

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 54

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển doanh thu	511	911	1,857,546,646
	Tổng cộng			1,857,546,646

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 55

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	34,380
	Tổng cộng			34,380

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 56

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển chi phí giá vốn	911	632	1,604,168,281
	Tổng cộng			1,604,168,281

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 57

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	151.598.323
	Tổng cộng			151.598.323

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 59

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển chi phí Thuế thu nhập DN	911	821	20,362,884
	Tổng cộng			20,362,884

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 60

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	81,451,538
	Tổng cộng			81,451,538

2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

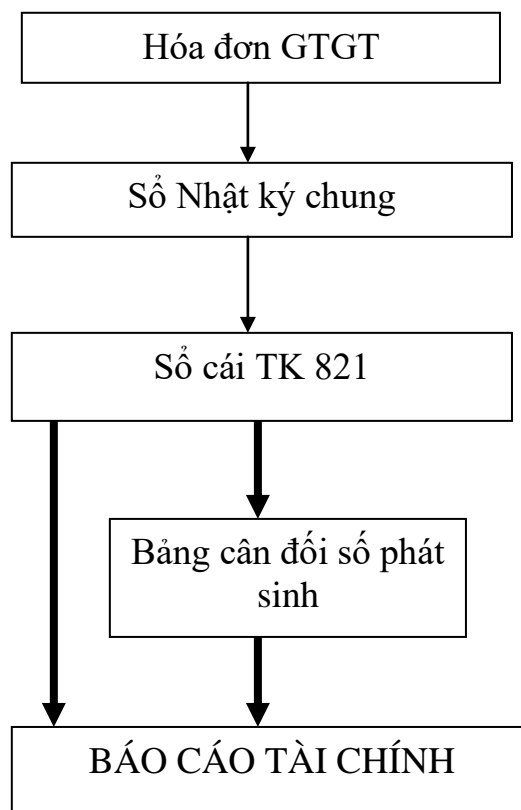
Hàng quý, kế toán xác định và ghi nhận số thuế TNDN tạm phải nộp trong quý. Sau khi đã tính được thuế TNDN trong quý, kế toán tiến hành nộp thuế của quý vào ngày cuối cùng của tháng của quý đó.

Cuối năm, kế toán phải xác định lại và ghi nhận số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế cả năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành. Nếu số thuế TNDN phải nộp cả năm lớn hơn số thuế tạm nộp ở từng quý, kế toán phải ghi nhận và nộp bổ sung thuế TNDN còn phải nộp, còn nếu số thuế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế tạm nộp, thì công ty sẽ được hoàn lại số thuế chênh lệch đó. Thời điểm nộp thuế của năm vào ngày 31/03 của năm sau.

2.3.6.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT đầu ra, đầu vào
- Phiếu kế toán

2.3.6.2. Trình tự ghi sổ



Ghi chú : Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng ==>

Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí thuế TNDN

2.3.6.3. Nghiệp vụ phát sinh:

Ngày 31/3/2016 xác định thuế TNDN quý 1 năm 2016

Bảng biểu 2.20: Phiếu kế toán (Phòng : Kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 58

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	20,362,884
	Tổng cộng			20,362,884

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 59

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	20,362,884
	Tổng cộng			20,362,884

Bảng biểu 2.21: Sổ nhật ký chung

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Đương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	ĐG	TK	Số phát sinh	
SH	NT		SC	ĐƯ'	Nợ	Có
...
PKT57	31/3	K/c Chi phí QLDN		911	151.598.323	
				642		151.598.323
PKT58	31/3	Xác định thuế TNDN phải nộp		821	20,362,884	
				3334		20,362,884
PKT59	31/3	K/c chi phí thuế TNDN		911	20,362,884	
				821		20,362,884
...
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.22: Sổ cái (Nguồn: phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
(Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu quý		-	
PKT58	31/3	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	20,362,884	
PKT59	31/3	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		20,362,884
Cộng SPS trong kì				20,362,884	20,362,884
Dư cuối kì				-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.23: Sổ nhật ký chung

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
PKT54	31/3	Kết chuyển Doanh thu		511	1,857,546,646	
				911		1,857,546,646
PKT55	31/3	K/c doanh thu hoạt động tài chính		515	34,380	
				911		34,380
PKT56	31/3	K/c chi phí giá vốn		911	1,604,168,281	
				632		1,604,168,281
PKT57	31/3	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp		911	151,598,323	
				642		151,598,323
PKT58	31/3	Xác định thuế TNDN phải nộp		821	20,362,884	
				333 4		20,362,884
PKT59	31/3	K/c chi phí thuế TNDN		911	20,362,884	
				821		20,362,884
PKT60	31/3	K/c lợi nhuận sau thuế		911	81,451,538	
				421		81,451,538
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.24: Sổ cái (Nguồn : phòng kế toán)

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 911 – Xác định kết quả kinh doanh
(Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu quý</i>		-	
PKT54	31/3	K/c doanh thu	511		1,857,546,646
PKT55	31/3	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		34,380
PKT56	31/3	K/c chi phí giá vốn	632	1,604,168,281	
PKT57	31/3	K/c chi phí QLDN	642	151,598,323	
PKT59	31/3	K/c chi phí thuế TNDN	821	20,362,884	
PKT60	31/3	K/c lợi nhuận sau thuế	421	101,814,422	
Cộng SPS trong kì				1,857,581,026	1,857,581,026
Dư cuối kì				-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI QUANG HUY****1. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Quang Huy.**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

1.1.1. Ưu điểm và nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Quang Huy.

Cùng với quá trình chuyển đổi, trưởng thành của mình, công tác kế toán tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Quang Huy không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất yêu cầu quản lý, hạch toán kinh tế. Điều này được thể hiện rõ ở những mặt sau:

- Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp: cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có sự nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Công ty luôn hạn chế xảy ra các sai phạm không đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy bộ máy của công ty luôn hoàn thiện và đảm bảo.

- Chứng từ kế toán: kế toán sử dụng hệ thống kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong chế độ hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân

chuyên chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

- **Sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lưu báo cáo tài chính một cách chính xác.

- **Tài khoản sử dụng :** Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

- **Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**
 - Công ty nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về cơ chế theo đúng chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban Giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

1.1.2. Nhược điểm công tác kế toán của Doanh nghiệp

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy cũng vẫn tồn tại nhiều điểm hạn chế.

- **Tổ chức bộ máy kế toán :** hiện nay công ty chỉ có 2 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn cao tuy nhiên việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều nên công tác kế toán còn gặp nhiều sai sót.

- **Việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng:** hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng, các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu

của khách hàng, thu hút được nhiều khách hàng nhằm nâng cao năng lực của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- **Việc hạch toán doanh thu:** công ty chưa hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh theo từng loại mặt hàng. Công ty vẫn hạch toán doanh thu, chi phí chung cho tất cả các mặt hàng, điều này sẽ khiến cho việc theo dõi các thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của từng mặt hàng trở nên khó khăn hơn, công tác quản lý kinh doanh mất nhiều thời gian hơn, không hiệu quả.

- **Việc thu hồi công nợ:** các khách hàng của công ty ngoài những khách hàng sau khi mua hàng đều thanh toán ngay nhưng những khách hàng quen thuộc mua hàng thanh toán sau là điều không thể tránh khỏi. Dẫn tới việc nếu công ty không có bộ phận kiểm soát thu hồi công nợ thì rất khó kiểm soát số nợ của công ty.

1.2. Nguyên tắc hoàn thiện trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.

1.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì mỗi doanh nghiệp đều phải lập được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Muốn vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ một cách khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ.

1.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Ngày nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng yêu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động

kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với các nhà quản lý kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu này, Doanh nghiệp tư nhân thương mại Quang Huy luôn đề cao, coi trọng công tác hoàn thiện bộ máy kế toán của mình, đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa trên những quy tắc và chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với các cơ quan chức năng, cụ thể như:

- + Đối với cơ quan thuế: giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

- + Đối với ngân hàng: giúp cho việc thu hồi vốn và lãi

- + Đối với khách hàng: thể hiện năng lực của doanh nghiệp và tạo được uy tín đối với khách hàng.

- + Đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp: giúp cho việc quản lý, điều hành, đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu để ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều được đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các bên liên quan.

1.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp hoạt động. Việc hoàn thiện cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước quy định nhưng không cứng nhắc mà luôn phải linh hoạt.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả, do đó phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

1.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy.

Qua thời gian thực tập 6 tuần để tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy em nhận thấy công tác kế toán của công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng thủ tục chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó công ty vẫn còn những hạn chế và thiếu sót cần được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả hơn. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- **Ý kiến thứ nhất: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán**

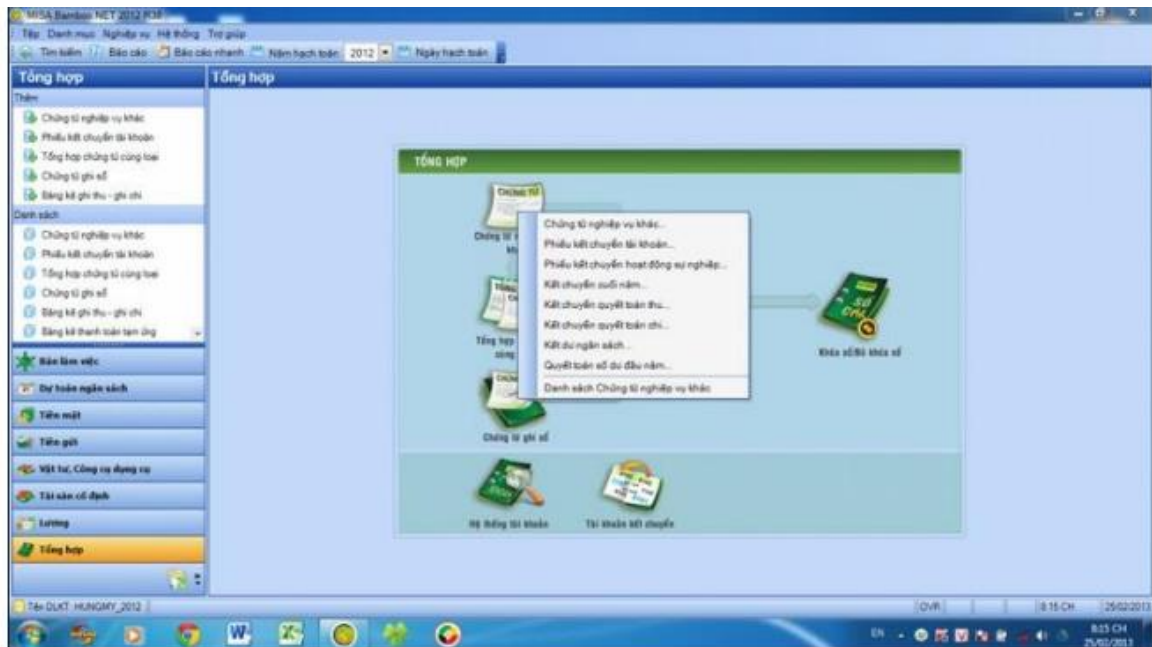
Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý

bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

Ý kiến thứ hai: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản mà công ty đã trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng. Khi sử dụng chiết khấu thương mại cần chú ý một số quy định:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.
- Trường hợp người mua hàng với số lượng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 5211.
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.
- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán.
- Trong kỳ chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển sang tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ hạch toán. Trong một nền kinh tế cạnh tranh thì việc sử dụng chiết khấu thương mại trong công tác bán hàng có thể giúp cho công ty có thể giữ được khách hàng truyền thống và tăng lượng khách mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Ví dụ minh họa: Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại 5%. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số 00090 ngày 26/01/2016 xuất bán cho công ty Hoàng Lâm đất đỏ (giá chưa VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản .

Bảng biểu 3.1: Hóa đơn GTGT (Nguồn: Phòng kế toán)

Hóa đơn GTGT	Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 3: Nội bộ	Ký hiệu: AA/13P
Ngày 26 tháng 01 năm 2016	Số HĐ : 0000090

Đơn vị bán hàng: Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 Địa chỉ: 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng - Huyện An Dương - Hải Phòng
 MST: 0200610725
 TK số:
 Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công Ty TNHH Hoàng Lâm
 Địa chỉ: xã Lâm Động – huyện Thủy Nguyên – tp Hải Phòng
 STK: 10000508773
 Hình thức thanh toán : CKMST: 010123789

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đất đỏ	M3	7.982	90.000	718.380.000
Cộng tiền hàng					718.380.000
Thuế suất GTGT 10%					71.838.000
Tổng cộng tiền thanh toán					790.218.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng ./.

Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ và tên)</i>
--	--	---

Công ty cho khách hàng hưởng 5% chiết khấu thương mại trên tổng số tiền thanh toán. Kế toán định khoản:

- Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112 : 790.218.000

Có TK 511 : 718.380.000

Có TK 3331 : 71.838.000

- Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211 : 35.919.000

Nợ TK 3331 : 3.591.900

Có TK 111: 39.510.900

- Kết chuyển xác định doanh thu:

Nợ TK 511: 35.919.000

Có TK 5211 : 35.919.000

Bảng biểu 3.2: Biên bản xác nhận Chiết khấu thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước và các căn văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành.
- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thoản thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày 30 tháng 10 năm 2015. Chúng tôi gồm:

BÊN A: Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

- Ông: Lê Văn Huỳnh Chức vụ: Giám đốc
- Bà: Vũ Thị Sau Chức vụ: Kế toán trưởng

BÊN B: Công ty TNHH Hoàng Lâm

- Ông: Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Kế toán trưởng

Hai bên đã tiến hành mua bán hàng hóa và xác nhận khoản chiết khấu thương mại mà bên A là Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy cho bên B là Công ty TNHH Hoàng Lâm hưởng một khoản chiết khấu thương mại do mua hàng với số lượng lớn như trong hợp đồng mà hai bên thỏa thuận đã đưa ra trước đó. Cụ thể như sau:

I. GIÁ TRỊ HÀNG HÓA

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đất đỏ	M3	7.982	90.000	718.380.000
Cộng tiền hàng					718.380.000
Thuế suất GTGT 10%					71.838.000
Tổng cộng tiền thanh toán					790.218.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng ./.

Công ty cho khách hàng hưởng 5% chiết khấu thương mại trên tổng số tiền thanh toán. Nên Công ty TNHH Hoàng Lâm sẽ được giảm 5% số tiền tương đương 39.510.900 đồng (đã bao gồm thuế VAT) trên tổng số tiền trên Hóa đơn GTGT số 00090.

II. **CHẤT LƯỢNG** : Đảm bảo theo yêu cầu của bên B

III. **KẾT LUẬN**: Hai bên đã đồng ý xác nhận số tiền trên để làm cơ sở để thanh toán.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, họ tên)

GD. Lê Văn Huỳnh

Phạm Tuấn Anh

Bảng biểu 3.3. Phiếu chi

Doanh Nghiệp Tư Nhân TM Quang Huy
492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
Dương – Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
Ban hành theo QĐ
số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 26 tháng 1 năm 2016

Số: 08

Nợ TK 5211,3331

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Trịnh Thị Vân

Địa chỉ: Công ty TNHH Hoàng Lâm

Lý do chi: Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Hoàng Lâm

Số tiền: 39.510.900đ

Bằng chữ : Ba mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn, chín trăm đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 1 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---	--	--	--------------------------------

↓

Bảng biểu 3.4. Phiếu kế toán

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đồng – Huyện An Dương – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số 58

STT	Nội dung	Số tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
A	B	C	D	E
1	Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Hoàng Lâm ngày 26 / 1	511	5211	35.919.000
	Tổng cộng			35.919.000

Bảng biểu 3.5. Sổ Nhật ký chung

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
 Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích Quý 01/2016)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...
HĐ 00090	26/1	Bán đất đỏ cho Công ty TNHH Hoàng Lâm		112	790.218.000	
				511		718.380.000
				3331		71.838.000
PC08	26/1	Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Hoàng Lâm		5211	35.919.000	
				3331	3.591.900	
				111		39.510.900
PKT58	31/3	K/c chiết khấu thương mại		511	35.919.000	
				5211		35.919.000
...
		Cộng			18,864,069,942	18,864,069,942

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Người lập

Bảng biểu 3.6: Sổ cái

Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy
 492 Đường Tôn Đức Thắng - Xã An đông – Huyện An
 Dương – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TÀI KHOẢN 5211 – Chiết Khấu Thương Mại
 (Trích quý 01/2016)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu quý</i>		-	
26/1	PC08	Chiết khấu thương mại cho Công ty TNHH Hoàng Lâm	111	35.919.000	
31/3	PKT58	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511		35.919.000
Cộng SPS trong kì				35.919.000	35.919.000
Dư cuối kì				-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

• **Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện sổ sách kế toán tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy**

Công tác kế toán chỉ thực sự đạt được hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và loại hình hoạt động của công ty. Từ đó, kế toán mới có thể đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác, giúp ban lãnh đạo công ty nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thường xuyên và dễ dàng. Trong hệ thống sổ sách, công ty đã lập phiếu kế toán để tiện theo dõi cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng trong các phiếu kế toán có phiếu đánh số nhưng có phiếu lại không vì vậy gây ra những khó khăn cho việc kiểm soát và theo dõi.

Do công ty là công ty thương mại với lượng hàng hóa bán ra rất lớn và mặt hàng của công ty rất phong phú, đa dạng nhiều chủng loại. Vì vậy công ty nên mở sổ Nhật ký bán hàng. Đây là loại sổ giúp cho công ty có thể nắm bắt chi tiết cụ thể tình hình bán hàng, doanh thu bán hàng của từng loại hàng hóa được bán ra. Đây là một số mẫu sổ sách mà công ty nên lựa chọn để đưa vào hệ thống sổ sách kế toán của công ty:

Bảng biểu 3.7: Sổ Nhật ký bán hàng:

Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy

Mẫu số: S13-DNN

429 đường Tôn Đức Thắng– xã An Đồng – An Dương - HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm 2016

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi có tài khoản doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	TP
Tổng cộng						

Ngày tháng năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để đạt được hiệu quả kinh doanh ngoài việc mở rộng và tìm kiếm thị trường tận dụng yếu tố khách quan thì công ty cũng phải quan tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng với nhân viên kế toán, tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học. Nâng cao trình độ để mọi nhân viên kế toán đều tận dụng được hết hiệu quả của máy tính và các ứng dụng tin học trong văn phòng.

• Ý kiến thứ tư: Trích trước chi phí đề phòng thiệt hại trong kinh doanh.

Đối với công ty thương mại những khoản thiệt hại trong quá trình lưu thông hàng hóa luôn thường trực trong các chuyến vận chuyển. Vì vậy, công ty phải có kế hoạch trích trước những chi phí nhất định và thường trực cho những thiệt hại đó. Dựa vào kết quả kinh doanh của những năm trước, công ty có thể đưa ra kế hoạch chi tạm thời về chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và sử dụng tài khoản 335 – Chi phí trả trước. Đây là khoản hạch toán chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí kinh doanh kì này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi phát sinh sẽ không gây biến động cho chi phí sản xuất kinh doanh.

- Khi trích trước chi phí kinh doanh số chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Có 335: Chi phí phải trả

- Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí ghi:

Nợ 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ 335: Số đã trích trước

Có 241: Tổng chi phí thực tế phát sinh

Có 642: Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp giữ vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp biết được doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược làm cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, phát triển và đứng vững trên thị trường.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù đã rất cố gắng xong bài khóa luận này không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định, em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo và các anh chị trong phòng kế toán của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy đề tài của em có giá trị thực tế.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của cô giáo là ThS.Trần Thị Thanh Thảo, ban lãnh đạo và đặc biệt là các anh chị trong phòng kế toán của Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Quang Huy đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!